

Bản án số: 09/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 03/5/2024

“*V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Trọng Bình;
2. Bà Hoàng Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lê N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

-Bị đơn: Anh Giản Văn H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Lê N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lê N và anh Giản Văn H tự nguyện tìm hiểu, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/3/2019. Trong cuộc sống chung, chị với anh H thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh H không quan tâm đến gia đình, bỏ bê con cái, anh H đi làm nhưng không thường xuyên, chủ động mang tiền về để nuôi con, bỏ mặc chị tự lo và quán xuyến gia đình. Anh H còn nhiều lần chửi bới, đánh đập chị và đe dọa tinh thần chị. Ngoài ra, anh H còn có quan hệ với người phụ nữ khác khi đi làm xa nhà. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giản Văn H.

Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là Giản Quốc B, sinh ngày 18/02/2020. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con là tùy vào anh H.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị Trần Thị Lê N không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là anh Giản Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của anh H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Trần Thị Lê N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lê N và anh Giản Văn H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Nên hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, chị N cho rằng chị với anh H thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh H không quan tâm đến gia đình, bỏ bê con cái, anh H đi làm nhưng không thường xuyên, chủ động mang tiền về để nuôi con, bỏ mặc chị tự lo và quán xuyến gia đình. Anh H còn nhiều lần chửi bới, đánh đập chị và đe dọa tinh thần chị. Ngoài ra, chị N cho rằng anh H còn có quan hệ với người phụ nữ khác khi đi làm

xa nhà. Vì vậy chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giản Văn H.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh H không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án cho thấy anh H đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với chị N. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh H đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh.

- Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là Giản Quốc B, sinh ngày 18/02/2020. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Xét yêu cầu của chị N thấy rằng: Hiện con chung chị N vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị N vẫn đảm bảo cho sự phát triển bình thường về mọi mặt của con. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Giản Văn H không lên Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung khác: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lê N được ly hôn với anh Giản Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Giản Quốc B, sinh ngày 18/02/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Giản Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị N.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không

trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Buộc chị Trần Thị Lê N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0007593 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- UBND xã Nghĩa Hưng;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa